TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2022/DS-PT
Ngày: 17/11/2022
V/v tranh chấp "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.
Các Thẩm phán: - Ông Võ Ngọc Hải;
- Ông Võ Ngọc Giàu;
- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Quang Minh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 238/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đặng Thị Bé M, sinh năm 1959; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- Bị đơn: Đặng Thị Mười H, sinh năm 1965; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988; (có mặt)
Địa chỉ: Số A, ô D, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1989; (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
2/ Đặng Văn M1, sinh năm 1963 (có đơn vắng mặt).
3/ Đặng Văn Mười B, sinh năm 1965 (có đơn vắng mặt).
4/ Đặng Thanh L, sinh năm 1962 (có đơn vắng mặt).
5/ Đặng Thanh X, sinh năm 1965 (có đơn vắng mặt).
6/ Đặng Thanh V, sinh năm 1968 (vắng mặt)
7/ Đặng Thị Kim C, sinh năm 1960 (vắng mặt)
8/ Đặng Thị Kim T1, sinh năm 1966 (vắng mặt)
9/ Đặng Thị Ngọc C1, sinh năm 1976 (vắng mặt)
10/ Đặng Thị Ngọc T2, sinh năm 1978 (vắng mặt)
11/ Đặng Thị Ngọc T3, sinh năm 1982 (có đơn vắng mặt).

12/ Đặng Thanh P, sinh năm 1974 (vắng mặt)
13/ Nguyễn Thị T4, sinh năm 1950 (có đơn vắng mặt).
14/ Đặng Thanh T5, sinh năm 1977 (có đơn vắng mặt).
15/ Đặng Văn H1, sinh năm 1980 (có đơn vắng mặt).
16/ Đặng Thanh T6, sinh năm 1983 (vắng mặt)
17/ Đặng Thị T7, sinh năm 1983 (vắng mặt)
18/ Đặng Thanh H2, sinh năm 1974 (vắng mặt)
19/ Đặng Thị Lệ E, sinh năm 1967 (vắng mặt)
20/ Đặng Thị Lệ H3, sinh năm 1969 (vắng mặt)
21/ Đặng Thị Lệ Q, sinh năm 1970 (vắng mặt)
22/ Đặng Thị Út M2, sinh năm 1986 (vắng mặt)
23/ Bùi Thị Á, sinh năm 1952 (có đơn vắng mặt).
24/ Phạm Thanh Đ, sinh năm 1986 (có đơn vắng mặt).
25/ Phạm Thành L1, sinh năm 1973 (vắng mặt)
26/ Phạm Thanh H4, sinh năm 1977 (vắng mặt)
27/ Phạm Thị L2, sinh năm 1980 (vắng mặt)
28/ Phạm Thị D, sinh năm 1983 (vắng mặt)
29/ Phạm Thanh H5, sinh năm 1988 (vắng mặt)
30/ Phạm Tấn T8, sinh năm 1990 (có mặt).
31/ Phạm Thị Cẩm H6, sinh năm 1993 (có mặt).
32/ Phạm Tấn S, sinh năm 1996 (có đơn vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
33/ Lê Văn N1, sinh năm 1956 (có đơn vắng mặt).
34/ Lê Đặng Thanh P1, sinh năm 1978 (có đơn vắng mặt).
35/ Lê Đặng Thanh V1, sinh năm 1981. (vắng mặt)
36/ Lê Đặng Thùy L3, sinh năm 1983. (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
37/ Đặng Thị Bé B1, sinh năm 1944 (có đơn vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
38/ Đặng Thị Bé T9, sinh năm 1955 (có đơn vắng mặt).
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- Người làm chứng: Lê Văn L4, sinh năm 1950 (có đơn vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- Người kháng cáo: Bị đơn bà Đặng Thị Mười H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

- *Nguyên đơn bà Đặng Thị Bé M trình bày:*

Cha của bà là ông Đặng Văn G có cho bà một phần đất để lên nền cất nhà ở với diện tích là 400m² (bốn sào) mà chưa sang tên cho bà đứng tên quyền sử dụng đất. Trước khi ông Đặng Văn G mất, ông G và bà Đặng Thị Mười H có làm tờ ủy quyền ngày 17/5/1994 với nội dung cho bà tên Đặng Thị Bé M quản lý và sử dụng phần đất đã được sự chứng kiến của anh chị em trong gia đình bà đều thống nhất. Bà đã cất nhà ở ổn định trên phần đất này từ đó cho đến nay. Ngoài phần đất này

ra thì bà không còn nơi ở nào khác. Hiện nay bà muốn làm thủ tục và đứng tên trên phần đất của ông G đã cho nhưng em bà là bà Đặng Thị Mười H cản trở nên bà không làm được.

Nay bà yêu cầu công nhận phần đất thửa số 154, tờ bản đồ số 07, theo đo đạc thực tế có diện tích 435,9m², tọa lạc ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà, thửa đất có vị trí tứ cận: Đông giáp: đất Phạm Kim Q1; Tây giáp: đường bê tông; Nam giáp: đất Phạm Kim Q1; Bắc giáp: đất Đặng Thị Mười H, để Bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- *Bị đơn bà Đặng Thị Mười H trình bày:*

Bà là em ruột của bà Đặng Thị Bé M, nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông Đặng Văn G cho bà Đặng Thị Bé M thuê hơn 30 năm trước đây, sau đó cách đây khoảng 25 năm ông G sang tên cho bà đứng tên đất, nhưng bà vẫn để cho bà B2 Mười cất nhà sử dụng đất hơn 25 năm cho đến nay, nhưng bà không yêu cầu lấy đất lại, không bán cho bà Bé M.

Nay bà Bé M yêu cầu: Công nhận phần đất thửa số 154, tờ bản đồ số 07, theo đo đạc thực tế có diện tích 435,9m2, tọa lạc ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà M, thửa đất có vị trí tứ cận: Đông giáp đất Phạm Kim Q1; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đất Phạm Kim Q1; Bắc giáp đất Đặng Thị Mười H.

Bà không đồng ý yêu cầu nguyên đơn bởi vì nguồn gốc thửa số 154, tờ bản đồ số 07, theo đo đạc thực tế có diện tích 435,9m², tọa lạc ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang là của ông Đặng Văn G nhưng bà chỉ cho bà B2 M thuê rồi đong lúa lại cho bà, hiện nay phần đất bà Bé M đang tranh chấp nằm trong thửa đất số 1769, tờ bản đồ số 01, diện tích 392,0m², loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện G đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD897980, ngày 28/3/2006 cho bà đứng tên nên đây là đất của bà. Khi nào bà Bé M giao cho bà 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) thì bà mới đồng ý để bà B2 M lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Ngọc T, Phạm Tấn T8, Phạm Thị Cẩm H6, Phạm Tấn S trình bày:*

Các anh, chị là con của bà Đặng Thị Bé M; các anh, chị thống nhất theo ý kiến yêu cầu của bà Bé M. Mọi vấn đề tranh chấp giữa bà Bé M với bà Đặng Thị Mười H để cho bà B2 Mười tự quyết định, Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; các anh, chị không có yêu cầu gì trong vụ án này và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thanh X, Đặng Thanh L, Lê Văn M3, Lê Văn N1, Lê Đặng Thanh P1, Bùi Thị Á, Phạm Thanh Đ1, Đặng Văn H1, Đặng Thanh T5, Đặng Thị Bé T9, Đặng Thị Bé B1, Đặng Văn M1 trình bày:*

Việc tranh chấp đất giữa bà Đặng Thị Bé M và bà Đặng Thị Mười H các ông, bà không có ý kiến gì, để cho bà B2 M và bà Mười H tự giải quyết, Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, các ông, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T4 trình bày:*

Bà không tranh chấp hay có ý kiến gì, ngoài ra bà không có yêu cầu gì trong vụ kiện này và bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện.

** Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng ông Lê Văn L4 trình bày:*

Ông với bà Đặng Thị Bé M và bà Đặng Thị Mười H là bà con, giữa ông với bà Đặng Thị Bé M và bà Đặng Thị Mười H không có mâu thuẫn gì. Tờ ủy quyền ngày 17/5/1994 là do ông viết, do ông Đặng Văn G là cậu ruột của ông nhờ ông viết dùm, do ông G lúc đó đã lớn tuổi, viết chữ chậm nên nhờ ông viết. Lúc ông viết thì ông G vẫn còn minh mẫn, sáng suốt, nội dung tờ ủy quyền này do ông G đọc cho ông viết, ông G ký tên, chữ ký tên trong tờ ủy quyền ngày 17/5/1994 là của ông G, tờ ủy quyền này có nội dung là ông Đặng Văn G và bà Đặng Thị Mười H cùng thống nhất đồng ý cho bà Đặng Thị Bé M và chồng bà B2 M là ông Phạm Văn Đ2 một cái nền để cất nhà ở với diện tích là bốn sào (400m²), do bà Bé M có chồng nhưng không về bên chồng mà ở bên nhà ông G nên ông G cho luôn phần diện tích này để có nơi ở. Ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 457, 459 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Các Điều 147, 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Bé M.

- Công nhận phần đất thửa số 154, tờ bản đồ số 07, theo đo đạc thực tế có diện tích 435,9m², tọa lạc ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Đặng Thị Bé M, thửa đất có vị trí tứ cận: Đông giáp đất Phạm Kim Q1; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đất Phạm Kim Q1; Bắc giáp: đất Đặng Thị Mười H (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Bà Đặng Thị Bé M được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, bị đơn bà Đặng Thị Mười H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm sửa án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Đặng Thị Bé M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tòa án công nhận phần đất thửa số 154, tờ bản đồ số 07, theo đo đạc thực tế có diện tích 435,9m², tọa lạc ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà.

- Người kháng cáo *bà Đặng Thị Mười H* giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bà Đặng Thị Mười H kháng cáo nhưng không có bổ sung thêm chứng cứ mới nào để xem xét. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn bà Đặng Thị Bé M khởi kiện yêu cầu tòa án công nhận phần đất thửa số 154, tờ bản đồ số 07, theo đo đạc thực tế có diện tích 435,9m², tọa lạc ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà theo tờ ủy quyền cho đất của ông G, nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "tranh chấp hợp đồng tặng cho QSDĐ" là có căn cứ, đúng qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Đặng Thị Bé M với bị đơn bà Đặng Thị Mười H là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị Mười H là đúng qui định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Mười H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- **Xác định thửa đất tranh chấp:** phần đất tranh chấp có vị trí tứ cận: Đông giáp: đất Phạm Kim Q1; Tây giáp: đường bê tông; Nam giáp: đất Phạm Kim Q1; Bắc giáp: đất Đặng Thị Mười H hiện nay là thửa số 154, tờ bản đồ số 07, có diện tích đo đạt thực tế 435,9m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- **Nội dung tranh chấp**:

- Bà Mười H cho rằng phần diện tích đất bà và cha bà (ông G) ủy quyền cho bà M là một phần trong số diện tích mà bà đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số

vào sổ 00355 cấp ngày 06/6/1998. Nay bà chỉ đồng ý sang tên với điều kiện bà M phải trả cho bà 50.000.000 đồng.

- Bà M cho rằng phần diện tích tranh chấp bà đã được cha bà và các anh chị em trong gia đình tặng cho theo giấy ủy quyền ngày 17/5/1994 và bà đã canh tác sử dụng từ trước năm 1994 đến nay, nên yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất này.

*** Nhận xét đánh giá tính có căn cứ của ý kiến các bên:**

- Theo cung cấp của cán bộ địa chính xã T vào ngày 20/12/2021 thì thửa 154 (đang tranh chấp) có nguồn gốc trước đây là thửa 1774, diện tích 550 m^2. Theo sổ địa chính xã lập năm 1997 thì thửa 154 do ông Đặng Văn G (cha bà M) đứng tên trong sổ mục kê; Cũng theo sổ địa chính xã lập năm 1997 thì bà Đặng Thị Mười H đứng tên sổ mục kê 02 thửa, cụ thể thửa 1769 diện tích 1.540 m^2 và thửa 1767 diện tích 660 m^2 (bl 440, 430). Như vậy bà Mười H không đứng tên thửa 1774 nay là thửa 154 đang tranh chấp như bà đã khai.

- Theo cung cấp của Văn phòng ĐKĐĐ huyện Gò Công T10 thì bà Mười H được cấp giấy thửa 1769 diện tích 1.540 m^2 theo giấy chứng nhận QSDĐ số 00355 ngày 06/6/1998. Sau đó thửa này tách làm 03 thửa, cụ thể: thửa 2856 diện tích 1.000 m^2 bà Mười H chuyển nhượng cho ông Phan Văn T11 ngày 28/3/2006; thửa 1769 diện tích 392 m^2 bà Mười H chuyển nhượng cho ông Đặng Văn H1 ngày 18/9/2013; thửa 2857 diện tích 148 m^2 hiện bà Mười H đứng tên (bl 431). Theo sơ đồ dãy thửa cho thấy thửa 1769 giáp ranh hướng bắc thửa 1774 (bl 433). Như vậy thửa 1774 (nay là thửa 154) là một thửa riêng độc lập giáp thửa 1769 chứ không nằm trong thửa 1769 như bà Mười H đã khai. Mặt khác, tờ ủy quyền cho đất xác lập ngày **17/5/1994**. Trong khi bà Mười H được cấp giấy đất 02 thửa 1769 và 1767 vào ngày **06/6/1998** là sau khi làm ủy quyền cho đất đến 04 năm, nên việc bà nói phần đất ủy quyền cho bà M thời điểm đó do bà đứng tên là không có căn cứ.

- Theo cung cấp của Văn phòng ĐKĐĐ huyện Gò Công T10 thì thửa 154 diện tích 436 m^2 hiện nay do bà M đăng ký kê khai sổ mục kê từ năm 2008 (năm 1997 do ông G kê khai). Bà M trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất này nhưng cho đến nay bà M vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ (các bl 63, 234, 437).

- Giấy ủy quyền đề ngày 17/5/1994 được phía bà Mười H xác nhận do chính bà và cha bà ký nhận có nội dung "chấp thuận cho bà M và anh rễ Phạm Văn Đ2 01 nền nhà 04 sào …. kể từ nay về sau cuộc đất ở của anh chị tôi không ai có quyền xâm phạm" (bl 448); Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2018 bị đơn xác nhận nội dung giấy ủy quyền ngày 17/5/1994 thể hiện là không bán, không đòi lại diện tích cho bà M sử dụng (bl 45). Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2021 người làm chứng Lê Văn L4 (là người được nhờ viết tờ ủy quyền) xác định ý chí của ông G, bà Mười H lúc đó là cho luôn bà M diện tích 04 sào để làm nhà (bl 324). Trên phần đất này hiện có mồ chôn ông Phạm Văn Đ2 (bl 55). Từ các căn cứ trên thể hiện về hình thức tuy là "tờ ủy quyền" nhưng về nội dung thể hiện ý chí các bên là tặng cho QSDĐ.

Kết luận:

Từ các căn cứ trên nhận thấy: trên cơ sở tờ ủy quyền cho đất của cha, có sự đồng thuận của các anh chị em trong nhà, gia đình bà M đã quản lý sử dụng phần đất tranh chấp liên tục từ năm 1994 cho đến nay mà không phát sinh tranh chấp và bà cũng đã có kê khai vào sổ mục kê từ năm 2008 nên đủ điều kiện được cấp giấy theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật đất đai 2013. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của *bà Đặng Thị Bé M* là có căn cứ. Kháng cáo của *bà Đặng Thị Mười H* là không có căn cứ nên bác.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: bà Mười H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 457, Đều 459 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Mười H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Bé M.

- Công nhận phần đất thửa số 154, tờ bản đồ số 07, theo đo đạc thực tế có diện tích 435,9m², tọa lạc ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Đặng Thị Bé M, thửa đất có vị trí tứ cận: Đông giáp: đất Phạm Kim Q1; Tây giáp: đường bê tông; Nam giáp: đất Phạm Kim Q1; Bắc giáp: đất Đặng Thị Mười H (có sơ đồ bản vẽ bản vẽ kèm theo).

- Bà Đặng Thị Bé M được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

- Bà Đặng Thị Mười H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0005921 ngày 12/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G. Bà Đặng Thị Mười H đã nộp xong án phí phúc thẩm. Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H7 lại bà Đặng Thị Bé M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 39316 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Vân